BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN**
**Trình độ đào tạo: Cao đẳng**
**Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
**(Áp dụng cho hệ cao đẳng tuyển sinh từ năm 2023)**

## 1. Thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy học phần

| TT | Họ tên giảng viên | Học hàm/ Học vị | Số điện thoại | Email | Đơn vị công tác | Địa điểm làm việc |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Thu Hà | Thạc sĩ | 0982511699 | thuha672@gmail.com.vn | Khoa LLCT – TLGD | VPK LLCT – TLGD |
| 2 | Hà Duy Tá | Thạc sĩ | 0932296422 | Haduyta@gmail.com | Khoa LLCT-TLGD | VPK LLCT – TLGD |
| 3 | Vương Thị Thanh Thuỷ | Thạc sĩ | 0945334850 | Vuongthuy178@gmail.com | Khoa LLCT – TLGD | VPK LLCT – TLGD |
| 4 | Đào Lan Hương | Tiến sĩ | 0919.614.006 | lanhuongcdspbn1@gmail.com | Khoa LLCT – TLGD | VPK LLCT – TLGD |
| 5 | Nguyễn Thị Hạnh Ngọc | Thạc sĩ | 0989663082 | hanhngoccdsp@bacninh.edu.vn | Khoa LLCT-TLGD | VPK LLCT – TLGD |
| 6 | Vương Thị Thuỳ | Thạc sĩ | 0935.368.486 | cdspbnvuongthuy@gmail.com | Khoa LLCT - TLGD | VPK LLCT – TLGD |

## 2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: TỔ CHỨC GIÁO DỤC HOÀ NHẬP VÀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO TRẺ MẦM NON
- Mã học phần: TL.MN.TN.01
- Số tín chỉ: 3
- Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non  Bậc đào tạo: Cao đẳng  Hình thức đào tạo: Chính quy/VLVH/ Liên thông
- Các học phần tiên quyết: Tâm lý học mầm non, Giáo dục học mầm non
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  + Lí thuyết: 30  + Thực hành/Thảo luận: 30  + Sinh viên tự học: 90
- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tâm lí giáo dục/ Khoa Lí luận chính trị - Tâm lí giáo dục.

**3. Mục tiêu của học phần:**

**3.1. Kiến thức:**

- Cung cấp cho sinh viên hiểu được công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, nắm vững kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp, cách thức và tầm quan trong của giáo dục trẻ khuyết tật vào môi trường hòa nhập với trẻ MN bình thường.

- Nhận diện và mô tả khái quá về đặc điểm, nội dung, hình thức của hoạt động trải nghiệm. Phân tích được đặc điểm các hoạt động giáo dục khi tổ chức cho trẻ mầm non theo hướng trải nghiệm

**3.2. Kỹ năng:**

- Có kỹ năng thiết kế một số hoạt động dạy học phù hợp với nhu cầu, khả năng và sở thích của từng loại trẻ khuyết tật. Ứng dụng phương pháp dạy học tích cực dưới nhiều hình thức khác nhau trong giáo dục hòa nhập.

- Thiết kế các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non: học, vui chơi, lao động, tham quan dã ngoại…Xây dựng kịch bản và tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm.

**3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật. Từ đó đánh giá được chất lượng trong hoạt động dạy học và giáo dục trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần:**

**4.1. Kiến thức**

**KT1. Giáo dục hoà nhập:** Phát biểu được khái niệm, bản chất, tính tất yếu, các quan điểm tiếp cận giáo dục hoà nhập, các dạng khuyết tật ở trẻ, đặc điểm cơ bản của một số dạng khuyết tật. Xác định mục tiêu, vận dụng nguyên tắc và lựa chọn được nội dung giáo dục trẻ khuyết tật ở trường mầm non

**KT2. Hoạt động GD theo hướng trải nghiệm:** Phát biểu được về khái niệm, vai trò, đặc điểm của HĐ theo hướng trải nghiệm ở trường mầm non**.** Phân tích ác yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động theo hướng trải nghiệm. Xác định mục tiêu, quy trình tổ chức các hoạt động theo hướng trải nghiệm.

**4.2. Kỹ năng**

**4.2.1. Kỹ năng cứng (KNC):**

**KNC1: Giáo dục hoà nhập**

Thực hiện được kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học trong thực hiện nhiệm vu của học phần.

Ứng dụng được công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vu của học phần.

Thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục trẻ khuyết tật học hoà nhập, kỹ năng tư vấn, hướng dẫn, trợ giúp đối tượng giáo dục là trẻ diện giáo dục hòa nhập.

Đánh giá được kết quả giáo dục trẻ khuyết tật học hoà nhập, kỹ năng tư vấn, hướng dẫn, trợ giúp đối tượng giáo dục là trẻ diện giáo dục hòa nhập.

**KNC2. Hoạt động GD theo hướng trải nghiệm**

Lựa chọn được nội dung hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm tâm sinh lý của trẻ mầm non

Sử dụng được các hình thức tổ chức hoạt động theo hướng trải nghiệm cho trẻ trong trường mầm non

Thiết kế được các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non

**4.2.2. Kỹ năng mềm (KNM)**

**KNM1. Giáo dục hoà nhập:** Có khả năng giao tiếp hiệu quả với trẻ KT

**KNM2. Hoạt động GD theo hướng trải nghiệm:** Có khả năng ứng phó với các tình huống nảy sinh trong tổ chức HĐGD theo hướng trải nghiệm

**4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**NL1. Giáo dục hoà nhập**

Thực hiện đúng quy định về đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật và các yêu cầu chuyên môn đối với người học trong nghiên cứu học phần.

Thể hiện được quan điểm cá nhân về nội dung học tập; chịu trách nhiệm trước giảng viên và nhóm sinh viên về nhiệm vụ học tập được giao.

**NL2. Hoạt động GD theo hướng trải nghiệm**

Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong quá trình ttoor chức HGĐGD theo hướng trải nghiệm. Từ đó đánh giá được chất lượng trong hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ lứa tuổi mầm non.

**5. Ma trận liên kết nội dung chương/ mục với chuẩn đầu ra của học phần**

| Nội dung học phần | | Kiến thức | | Kỹ năng | | Năng lực (NL) tự chủ và trách nhiệm | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | KT1 | KT2 | KNC | KNM | NL1 | NL2 |
| **PHẦN I: GIÁO DỤC HOÀ NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT** | | | | | | | |
| Chương 1: Những vấn đề về giáo dục hòa nhập | I. Khái niệm về giáo dục hòa nhập | x | | | | | |
| | II. Đặc điểm và bản chất của giáo dục hòa nhập | x | | | | x | |
| Chương 2: Nội | I. Nội dung giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật | x | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| dung giáo dục hòa nhập ở trường mầm non | II. Các nguyên tắc giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non | x | | | x | | |
| | III. Thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật | x | | x | | x | |
| | IV. Đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật | x | | x | | | |
| Chương 3: Công tác hỗ trợ giáo dục hòa nhập ở trường mầm non | I. Tạo môi trường học tập hòa nhập thân thiện | | | x | | | |
| | II. Mở rộng mạng lưới hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường mầm non | | | | x | x | |
| | III. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo viên giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. | | | x | x | x | |
| **PHẦN 2: TỔ CHỨC HĐGD THEO HƯỚNG TRẢI NGHIỆM** | | | | | | | |
| Chương 1: Khát quát về hoạt động trải nghiệm | I. Khái niệm HĐTN | | x | | | | x |
| | II. Quy trình tổ chức hoạt động theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non | | x | | x | | x |
| Chương 2: Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non | I. Tổ chức hoạt động vui chơi theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non | | | x | | | |
| | II. Tổ chức hoạt động tham quan – dã ngoại theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non | | | x | x | | |
| | III. Tổ chức hoạt động lễ hội theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non | | | x | | | |
| | IV. Tổ chức hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non | | | x | | | |

**6. Các yêu cầu của học phần**

- *Yêu cầu đối với sinh viên:*

+ Đọc nghiên cứu trước giáo trình, chuẩn bị các ý kiến hỏi, làm bài tập, đề xuất khi nghe giảng.

+ Chuẩn bị câu hỏi thảo luận; đọc, sưu tầm các tư liệu liên quan đến bài học.

+ Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;

- *Yêu cầu giảng viên:*

+ Nắm vững kiến thức cơ bản của bộ môn được phân công giảng dạy và một số môn học có liên quan trong chuyên ngành đào tạo được giao.

+ Lên kế hoạch xây dựng chương trình học phù hợp đối với sinh viên, nâng cao trình độ kỹ năng chuyên môn để truyền đạt kiến thức tối đa nhất cho sinh viên mình phụ trách.

+ Cập nhật được các tài liệu liên quan, đáp ứng được nhu cầu đào tạo phù hợp thực tiễn và xu thế phát triển.

+ Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học, có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học.

**7. Nội dung, phương pháp dạy - học**

| TT số tiết theo CT | Nội dung chi tiết | Phương pháp dạy – học | Giờ giảng dạy trên lớp | | Giờ sinh viên tự học |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Lí thuyết | Bài tập/ Thực hành/Thảo luận | |
| **PHẦN I. GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT** | | | | | |
| 1 – 5 | **Chương 1: Những vấn đề về giáo dục hòa nhập**<br>***I. Khái niệm về giáo dục hòa nhập***<br>1. Khái niệm giáo dục hòa nhập<br>2. Một số quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập<br>***3.*** Tính tất yếu của giáo dục hòa nhập<br>***II. Đặc điểm và bản chất của giáo dục hòa nhập***<br>1. Đặc điểm của giáo dục hòa nhập<br>2. Bản chất của giáo dục hòa nhập | - *Thuyết trình*<br>- *Dạy học dựa trên vấn đề*<br>- *Dạy học trực quan* | 5 | | |
| 6 - 9 | *** Thảo luận:**<br>1. Bản chất của giáo dục hòa nhập<br>2 .Tính tất yếu của giáo dục hòa nhập | - *Thảo luận nhóm* | | 4 | |
| | *** Tự học của sinh viên:**<br>1. SV nghiên cứu bản chất và mặt tích cực của giáo dục | | | | 14 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | hòa nhập<br>2. Chuẩn bị câu hỏi có liên quan đến nội dung. | | | | |
| 10 - 18 | **Chương 2: Nội dung giáo dục hòa nhập ở trường mầm non**<br>**I. Nội dung giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật**<br>1. Khái niệm và nguyên nhân gây ra khuyết tật ở trẻ mầm non<br>a. Khái niệm về trẻ khuyết tật<br>b. Các dạng khuyết tật và nguyên nhân gây khuyết tật ở trẻ em<br>2. Mục tiêu giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật<br>3. Nội dung giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật<br>**II. Các nguyên tắc giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non**<br>1. Phát hiện sớm và can thiệp sớm<br>2. Phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ<br>3. Tôn trọng sự khác biệt<br>4. Giáo dục trẻ dựa vào cộng đồng<br>**III. Thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật**<br>1. Xác định nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật.<br>2. Nội dung tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật<br>3. Phương pháp xác định nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật<br>**IV. Đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật**<br>1. Khái niệm và quan điểm đánh giá<br>a. Khái niệm<br>b. Quan điểm đánh giá<br>2. Nội dung và phương pháp đánh giá<br>3. Quy trình đánh giá trẻ khuyết tật | - *Thảo luận nhóm*<br>- *Dạy học dựa trên vấn đề*<br>- *Dạy học trực quan* | 9 | | |
| 19 - 27 | **Thảo luận**: T<br>1. Các dạng khuyết tật và nguyên nhân gây ra khuyết tật | Thảo luận nhóm | | 9 | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | ở trẻ em.<br>2. Các nguyên tắc giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở trường mầm non<br>3. Tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật. | | | | |
| | *** Tự học của sinh viên**<br>1. SV đọc GT chính số 1, tài liệu tham khảo số 1<br>2. Chuẩn bị câu hỏi có liên quan đến bài học.cản | | | | 27 |
| 28 - 34 | **Chương 3: Công tác hỗ trợ giáo dục hòa nhập ở trường mầm non**<br>**I. Tạo môi trường học tập hòa nhập thân thiện**<br>1. Môi trường vật chất không rào cản<br>2. Môi trường thân thiện, chia sẻ, hợp tác và vòng tay bè bạn<br>3. Tổ chức các hoạt động với sự tham gia tích cực của trẻ<br>**II. Mở rộng mạng lưới hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở trường mầm non**<br>1. Sự tham gia của gia đình trẻ.<br>2. Nhóm hỗ trợ cộng đồng<br>3. Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập<br>**III. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo viên giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.**<br>1. Vị trí và vai trò của giáo viên giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong trường mầm non<br>2. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực | *- Vấn đáp*<br>*- Dạy học dựa trên vấn đề*<br>*- Dạy học trực quan* | 7 | | |
| 35 - 42 | **Thực hành**<br>Nội dung:<br>1. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ cá nhân cho trẻ khuyết tật<br>2. Mạng lưới hỗ trợ giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong trường mầm non.<br>3. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo viên GDHN trẻ khuyết tật | *Thực hành cá nhân* | | 8 | |
| | *** Tự học của sinh viên** | | | | 22 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | 1. Xây dựng môi trường học tập cho trẻ mầm non<br>2. Trả lời câu hỏi có liên quan đến bài học. | | | | |
| **PHẦN II: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO TRẢI NGHIỆM CHO TRẺ MẦM NON** | | | | | |
| 43 - 51 | **Chương 1: Khát quát về hoạt động trải nghiệm**<br>**I. Khái niệm HĐTN**<br>1. Định nghĩa<br>2. Vai trò của HĐTN<br>3. Đặc điểm HĐTN<br>4. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức HĐTN<br>5. Mục tiêu của HĐTN cho trẻ mầm non<br>**II. Quy trình tổ chức hoạt động theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non**<br>1. Nội dung các HĐGD theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non<br>2. Hình thức tổ chức HĐ theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non | - *Vấn đáp*<br>- *Dạy học dựa trên vấn đề*<br>- *Dạy học trực quan*<br>- Thảo luận nhóm | 9 | | |
| 52 – 60 | **Chương 2: Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non**<br>I. Tổ chức hoạt động vui chơi theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non<br>II. Tổ chức hoạt động tham quan – dã ngoại theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non<br>III. Tổ chức hoạt động lễ hội theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non<br>IV. Tổ chức hoạt động học theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non | *Luyện tập*<br>*Thực hành theo nhóm* | | 9 | |
| | **Tự học:**<br>Xây dựng kịch bản HĐGD theo hướng trải nghiệm theo chủ đề | | | | 27 |
| **Tổng** | | | **30** | **30** | **90** |

**8. Tài liệu chính và tài liệu tham khảo**

***a. Giáo trình chính:***

[1]. Lã Thị Bắc Lý, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho (2010), Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

[2]. Hoàng Thị Phương (chủ biên) (2018), Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non, NXB ĐHSP Hà Nội.

***b. Tài liệu tham khảo***

[3]. Trần Thị Thiệp, Hoàng Thị Nho, Trần Thị Minh Thành (2016), Giáo trình can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

**9. Phương thức kiểm tra, đánh giá điểm học phần**

***9.1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:***

* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:

- Kiểm tra thường xuyên: 0 điểm (hệ số 1)
- Kiểm tra định kì: 0 điểm (hệ số 2)

* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):

+ Hình thức thi: Viết

+ Thời gian thi: 90 phút

***9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần***

- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.

***9.3. Thang điểm***: Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

*Bắc Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2023*

| | |
|---|---|
| **KT. HIỆU TRƯỞNG**<br>**PHÓ HIỆU TRƯỞNG** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** |
| (đã ký) | (đã ký) |
| **Nguyễn Thị Thương** | **Nguyễn Thị Thu Hà** |

# PHỤ LỤC I.
# MA TRẬN MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Trình độ đào tạo: Cao đẳng
2. Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non (GDMN)
3. Mã ngành: 51140201
4. Loại hình đào tạo: Chính quy/VLVH/ Liên thông
5. Thời gian đào tạo: 3 năm

Trưởng môn (Kí, ghi rõ họ và tên): Nguyễn Thị Thu Hà

Học phần: Tổ chức giáo dục hòa nhập và hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non

| **Tiêu chuẩn** | **Tiêu chí** | **Chỉ báo** | Được thể hiện và mô tả trong học phần |
|---|---|---|---|
| **1. Phẩm chất** | 1.1.yêu quê hương, đất nước | 1.1.1 | |
| | | 1.1.2 | |
| | | 1.1.3 | |
| | | 1.1.4 | |
| | 1.2.mến trẻ | 1.2.1 | x |
| | | 1.2.2 | x |
| | | 1.2.3 | x |
| | 1.3.yêu nghề | 1.3.1 | x |
| | | 1.3.2 | x |
| | | 1.3.3 | x |
| | 1.4.trung thực | 1.4.1 | x |
| | | 1.4.2 | x |
| | | 1.4.3 | x |
| | 1.5.trách nhiệm | 1.5.1 | |
| | | 1.5.2 | |
| | | 1.5.3 | |
| | | 1.5.4 | |
| | | 1.5.5 | |
| | 1.6.tự học | 1.6.1 | x |
| | | 1.6.2 | x |
| | | 1.6.3 | x |
| **2. Năng lực chung** | 2.1.năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi | 2.1.1 | x |
| | | 2.1.2 | x |
| | | 2.1.3 | x |
| | | 2.1.4 | x |
| | | 2.1.5 | x |
| | 2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác | 2.2.1 | x |
| | | 2.2.2 | x |
| | | 2.2.3 | x |
| | | 2.2.4 | x |
| | | 2.2.5 | x |
| | | 2.2.6 | x |
| | | 2.2.7 | x |
| | 2.3.năng lực lãnh đạo | 2.3.1 | |
| | | 2.3.2 | |
| | | 2.3.3 | |
| | 2.4.năng lực giải quyết Vấn đề | 2.4.1 | |
| | | 2.4.2 | x |
| | | 2.4.3 | x |
| | | 2.4.4 | x |
| | | 2.4.5 | x |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | 2.4.6 | x |
| | 2.5. Năng lực về xây dựng văn hóa nhà trường | 2.5.1 | |
| | | 2.5.2 | |
| | | 2.5.3 | |
| | 2.6.năng lực phản biện | 2.6.1 | x |
| | | 2.6.2 | x |
| | | 2.6.3 | x |
| **3. Năng lực Sư phạm** | 3.1. Năng lực lập kế hoạch dạy học và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non. | 3.1.1 | x |
| | | 3.1.2 | x |
| | | 3.1.3 | x |
| | | 3.1.4 | x |
| | | 3.1.5 | x |
| | | 3.1.6 | |
| | | 3.1.7 | |
| | | 3.1.8 | |
| | | 3.1.9 | |
| | 3.2. Năng lực chăm sóc và giáo dục | 3.2.1 | |
| | | 3.2.2 | |
| | | 3.2.3 | x |
| | | 3.2.4 | x |
| | | 3.2.5 | x |
| | | 3.2.6 | |
| | | 3.2.7 | |
| | 3.3.năng lực định hướng | 3.3.1 | |
| | | 3.3.2 | |
| | | 3.3.3 | x |
| | 3.4. Năng lực hoạt động xã hội | 3.4.1 | |
| | | 3.4.2 | x |
| | | 3.4.3 | x |
| | 3.5<br>Năng lực phát triển nghề nghiệp | 3.5.1 | x |
| | | 3.5.2 | x |
| | | 3.5.3 | x |
| | | 3.5.4 | x |
| **4 Năng lực nghề nghiệp** | 4.1. Năng lực khoa học gdmn | 4.1.1 | |
| | | 4.1.2 | |
| | | 4.1.3 | |
| | | 4.1.4 | |
| | 4.2.năng lực sử dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn khoa học gdmn để giải thích chương trình gdmn | 4.2.1 | |
| | | 4.2.2 | |
| | | 4.2.3 | |
| | 4.3. Năng lực hiểu và vận dụng các kiến thức khoa học tổng quát và khóa học ngành vào thực tiễn | 4.3.1 | |
| | | 4.3.2 | |
| | | 4.3.3 | |
| | | 4.3.4 | x |
| | | 4.3.5 | x |
| | 4.4. Năng lực nghiên cứu khoa học gdmn | 4.4.1 | |
| | | 4.4.2 | |
| | | 4.4.3 | |
| | 4.5. Năng lực sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em | 4.5.1 | |
| | | 4.5.2 | |
| | | 4.5.3 | |
| | 4.6. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em | 4.6.1 | |
| | | 4.6.2 | |
| | | 4.6.3 | |

# PHỤ LỤC II.

## BẢNG LIÊN KẾT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

| Mã học phần | Tên học phần | Kiến thức | | | | | | | | | | | | | | | Kỹ năng | | | | | | | | | | | | | | | | | | Năng lực tự chủ và trách nhiệm | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Kiến thức đại cương | | | | | Kiến thức chuyên ngành | | | | | | | | | | Kỹ năng cứng | | | | | | Kỹ năng mềm | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | KTĐC1 | KTĐC2 | KTĐC3 | KTĐC4 | KTĐC5 | KTCN1 | KTCN2 | KTCN3 | KTCN4 | KTCN5 | KTCN6 | KTCN7 | KTCN8 | KTCN9 | KTCN10 | KNC1 | KNC2 | KNC3 | KNC4 | KNC5 | KNC6 | KNM1 | KNM2 | KNM3 | KNM4 | KNM5 | KNM6 | KNM7 | KNM8 | KNM9 | KNM10 | KNM11 | KNM12 | NL1 | NL2 | NL3 |
| TL.MN.TN.01 | Tổ chức giáo dục hòa nhập và hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non | | x | | | | | x | x | | | x | | | x | | x | | x | x | | | x | x | | | x | | | | | x | x | x | | | x |

***Ghi chú*:** *Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra nào của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thì đánh dấu "*x*" tương ứng.*